**NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 16**

**TIẾT 62**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**Văn bản: ĐÁNH THỨC TRẦU**

**Trần Đăng Khoa**

**(Hướng dẫn học sinh tự học)**

**TIẾT 63 – 64**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**PHẦN 1:**

* Học sinh đọc văn bản trong SGK trang 121,122.

**PHẦN 2: Học sinh ghi bài vào vở Bài học:**

**Tiết 63-64:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

1. **Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**
2. **Ẩn dụ** là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
3. **Hoán dụ** là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
4. **Nhân hóa** là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, … bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,…trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.
5. **Luyện tập**

**Bài tập 1:**

* Câu có sử dụng biện pháp so sánh: **“Con diều hâu lao** như **mũi tên xuống…”**
* Câu có sử dụng biện pháp ẩn dụ: “Lần này nó chửa kịp ăn, **những mũi tên đen mang hình đuôi cá** từ đâu tới tấp bay đến.”
* ***Điểm giống nhau và khác nhau***:

|  |  |
| --- | --- |
| **So sánh** | **Ẩn dụ** |
| - Đều dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng. | |
| - Có đủ cái được so sánh ( vế A), cái dùng để so sánh ( vế B). | - Chỉ có cái dùng để so sánh. (vế B) |

**Bài tập 2:**

**a. Biện pháp ẩn dụ có trong đoạn văn:**

- “Kẻ cắp hôm nay gặp bà già.”

- “Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm.”

+ “Kẻ cắp”: chỉ chim chèo bẻo

+ “Bà già”: chỉ đối thủ kình địch của chim chèo bẻo (đối thủ này đã được nói đến trong đoạn văn trước chính là diều hâu, kẻ bị bầy chim chèo bẻo đánh tơi tả.)

+ “Người có tội” và “người tốt”: chỉ chim chèo bẻo qua việc vây đánh diều hâu, lập công cứu gà con.

**b. Nét tương đồng:**

- Giữa hai từ “chèo bẻo” và “kẻ cắp” (qua cái nhìn cảm nhận của nhân gian và cậu bé “tôi”): ban đêm, ngày mùa thức suốt để rình mò như kẻ cắp.

- Giữa hai từ “diều hâu” và “bà già”: lọc lõi, ác độc (chuyên rình mò, đánh hơi, bắt trộm gà con.)

**-> Tác dụng:** Làm cho cách miêu tả hình ảnh các loài vật trở nên sinh động, thú vị, có hồn, gần gũi với đời sống con người.

**Bài tập 3:**

a. “Cả làng xóm” chỉ người trong xóm.

b. “hai đõ ong” chỉ những con ong trong đõ.

c. “thành phố” chỉ người dân trong thành phố.

d. “nhà trong”, “nhà ngoài” chỉ những người thân ở “nhà trong” và “nhà ngoài” (Mỗi nhà là một gia đình riêng)

**Bài tập 4:**

- Cụm từ “mắt xanh” trong câu thơ:

“Trầu ơi, hãy tỉnh lại!

Mở mắt xanh ra nào.”

gợi cho ta liên tưởng đến hình ảnh chiếc lá trầu.

- Phép ẩn dụ vì giữa mắt xanh và lá trầu có sự giống nhau về hình dáng, màu sắc. Hình ảnh cây trầu được cảm nhận qua cái nhìn sinh động, đáng yêu “cây trầu” giống như con người, cũng có mắt nhìn như người: khi ngủ nhắm mắt, tỉnh giấc thì mở mắt.

**Bài tập 6:**

- Biện pháp tu từ nhân hóa

- Dấu hiệu: Dùng từ ngữ vốn dùng để gọi, xưng hô, miêu tả hoạt động của người cho cây trầu:

+ Gọi: “trầu”

+ Xưng hô: “tao, mày”

+ Hoạt động: “ngủ”

**Bài tập 7:**

- Việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa ở cả 3 văn bản làm cho cây cối, loài vật trở nên sống động, hấp dẫn hơn.

- Quan cái nhìn trẻ thơ: các loài cây, loài vật cũng có tình cảm, suy nghĩ như con người, rất gần gũi, đáng yêu.

**III. Viết ngắn**

Viết đoạn văn ngắn (từ 150- 200 chữ) nói về một đặc điểm riêng của một cây hoa hoặc một con vật yêu thích. Trong đó có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ và hoán dụ.

**Phần 3:**

Học sinh hoàn thành phần viết ngắn vào vở bài tập.